

Bài báo nghiên cứu

TÍCH HỢP MỤC TIÊU GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI

Nguyễn Vĩnh Khương^{1*}, Dư Thống Nhất¹, Nguyễn Linh Phong¹, Phan Hữu Tài²

¹Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Anh Quốc, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Vĩnh Khương – Email: khuongnv@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 13-6-2026; Ngày nhận bài sửa: 20-6-2026; Ngày duyệt đăng: 20-7-2026

TÓM TẮT

Giáo dục bảo vệ môi trường (GDBVMT) là nội dung cần thiết trong giáo dục phổ thông, góp phần phát triển ở học sinh (HS) nhận thức, thái độ, kỹ năng và hành vi ứng xử có trách nhiệm với môi trường sống. Bài viết phân tích khả năng tích hợp mục tiêu GDBVMT vào Chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất HS; sử dụng phương pháp phân tích các văn bản chính sách, chương trình giáo dục và những nghiên cứu có liên quan đến đề tài. Kết quả cho thấy mục tiêu này có thể được lồng ghép vào mục tiêu giáo dục chung, yêu cầu cần đạt, nội dung môn học, phương pháp giáo dục, hoạt động trải nghiệm và kiểm tra, đánh giá. Các địa chỉ tích hợp nổi bật gồm Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Địa lí, Sinh học, Giáo dục công dân, Công nghệ, Vật lí, Hóa học, Toán, Ngữ văn, Nghệ thuật, Giáo dục địa phương và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Từ khóa: Chương trình giáo dục phổ thông 2018; giáo dục bảo vệ môi trường; tích hợp giáo dục; giáo dục vì phát triển bền vững

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu, suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái đang đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với giáo dục phổ thông. GDBVMT nhằm truyền đạt tri thức về môi trường, hướng đến hình thành ở HS nhận thức, giá trị, trách nhiệm và năng lực hành động vì môi trường sống bền vững. Ở bình diện quốc tế, giáo dục vì sự phát triển bền vững được xem là quá trình trao quyền cho người học thông qua kiến thức, kỹ năng, giá trị và thái độ để đưa ra quyết định có trách nhiệm đối với tính toàn vẹn môi trường, khả năng phát triển kinh tế và công bằng xã hội cho các thế hệ hiện tại và tương lai (UNESCO, 2020). Ở Việt Nam, bối cảnh chính sách hiện nay đặt GDBVMT trong yêu cầu phát triển bền vững, tăng

Cite this article as: Nguyen, V. K., Du, T. N., Nguyen, L. P., & Phan, H. T. (2026). Integrating environmental protection education objectives into the 2018 General Education Curriculum: Theoretical basis and implementation orientations. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 23(7), 1687-1698. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.7.5931\(2026\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.7.5931(2026))

trường xanh và bảo vệ môi trường quốc gia. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhấn mạnh tăng trưởng xanh là phương thức quan trọng để thực hiện phát triển bền vững, khuyến khích lối sống có trách nhiệm với cộng đồng và hài hòa với thiên nhiên; Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định bảo vệ môi trường là điều kiện tiên quyết cho phát triển bền vững (Prime Minister, 2021, 2022).

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (sau đây gọi là chương trình) tạo cơ sở thuận lợi để GDBVMT được tích hợp theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực. Chương trình xác định các phẩm chất chủ yếu gồm yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; đồng thời hình thành các năng lực chung như tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo (Ministry of Education and Training, 2018). Những định hướng này có mối liên hệ trực tiếp với GDBVMT, bởi hành vi bảo vệ môi trường không chỉ phụ thuộc vào hiểu biết khoa học mà còn gắn với trách nhiệm cá nhân, khả năng hợp tác, tư duy hệ thống và năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Các nghiên cứu gần đây cho thấy GDBVMT trong nhà trường phổ thông cần được tổ chức theo hướng tích hợp trong môn học và hoạt động giáo dục, thay vì tách thành một môn học riêng. Nguyen và Bui (2023) nhấn mạnh việc tích hợp GDBVMT trong môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học cần bảo đảm mục tiêu môn học, không gây quá tải và gắn với thực tiễn địa phương. Ở cấp trung học cơ sở, Le và cộng sự (2024) đề xuất dạy học dự án tích hợp GDBVMT trong môn Khoa học tự nhiên, chỉ ra hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có thể góp phần nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi bảo vệ môi trường của HS. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào tích hợp trong từng môn học hoặc từng hoạt động giáo dục riêng lẻ, trong khi còn thiếu một cách tiếp cận ở bình diện chương trình nhằm nhận diện đầy đủ các địa chỉ tích hợp, phương thức triển khai và định hướng đánh giá. Đây chính là khoảng trống mà nghiên cứu này hướng tới. Vì vậy, cần nghiên cứu một cách hệ thống việc tích hợp mục tiêu GDBVMT vào chương trình, làm rõ cơ sở lí luận, địa chỉ tích hợp, phương thức tổ chức, kiểm tra đánh giá và kết quả mong đợi ở HS.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết vận dụng phương pháp phân tích nội dung kết hợp với tổng hợp lí luận. Các văn bản chính sách, chương trình, tài liệu về GDBVMT và những nghiên cứu có liên quan được rà soát theo các nhóm vấn đề chính, gồm: nguyên tắc tích hợp, khái niệm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, mạch nội dung môn học, hoạt động giáo dục, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá. Việc phân tích chương trình giáo dục được thực hiện dựa trên ba tiêu chí chính: 1) các yêu cầu cần đạt có liên quan đến môi trường, thiên nhiên, tài nguyên, biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và trách nhiệm công dân; 2) những mạch nội dung có khả năng hỗ trợ HS chuyển hóa kiến thức thành năng lực nhận diện và giải quyết các vấn đề môi trường; 3) mức độ phù hợp của nội dung môn học trong việc tổ chức thành hoạt động học tập, dự án, sản phẩm học tập hoặc hành vi bảo vệ môi trường phù hợp với đặc điểm lứa tuổi.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận về GDBVMT trong giáo dục phổ thông

GDBVMT trong giáo dục phổ thông có thể được hiểu là quá trình tổ chức các tác động giáo dục nhằm hình thành ở HS tri thức, thái độ, giá trị, kỹ năng và hành vi phù hợp đối với môi trường sống. Khái niệm này cần được tiếp cận từ hai phương diện: một mặt, bảo vệ môi trường là lĩnh vực được quy định trong hệ thống pháp luật; mặt khác, GDBVMT là nội dung giáo dục nhằm phát triển nhân cách, trách nhiệm công dân và năng lực hành động của người học. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, bảo vệ môi trường bao gồm các hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; xử lý ô nhiễm; cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (National Assembly, 2020). Khi chuyển hóa vào giáo dục phổ thông, nội dung này cần hướng tới hình thành ý thức, trách nhiệm và hành vi bảo vệ môi trường trong đời sống hằng ngày của HS.

Về phương diện chính sách, Quyết định số 1363/QĐ-TTg năm 2001 có ý nghĩa như căn cứ ban đầu cho chủ trương đưa nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân. Tuy nhiên, trong bối cảnh triển khai chương trình mới, việc xác định mục tiêu GDBVMT cần dựa chủ yếu trên các căn cứ cập nhật hơn, gồm Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các văn bản này chuyển trọng tâm từ nâng cao nhận thức đơn thuần sang phát triển lối sống xanh, tiêu dùng bền vững, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh và nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu (National Assembly, 2020; Prime Minister, 2001, 2021, 2022).

Từ các căn cứ trên, mục tiêu của GDBVMT trong trường phổ thông có thể được khái quát thành bốn nhóm: nhận thức, thái độ/giá trị, kỹ năng và hành vi. Mục tiêu nhận thức giúp HS hiểu các thành tố cơ bản của môi trường, mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, các vấn đề như ô nhiễm, suy thoái tài nguyên, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, chất thải, tài nguyên nước, năng lượng, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Mục tiêu thái độ/giá trị hướng đến hình thành tình yêu thiên nhiên, ý thức tôn trọng sự sống, thái độ không đồng tình với hành vi gây hại môi trường và trách nhiệm với môi trường sống. Mục tiêu kỹ năng giúp HS biết quan sát, nhận diện vấn đề môi trường, thu thập và xử lý thông tin, đề xuất giải pháp, hợp tác trong các hoạt động bảo vệ môi trường. Mục tiêu hành vi hướng đến các hành động cụ thể như giữ vệ sinh trường lớp, tiết kiệm điện, nước, phân loại rác, giảm rác thải nhựa, tái sử dụng, tái chế, chăm sóc cây xanh, bảo vệ nguồn nước, tham gia truyền thông và các dự án môi trường (Ministry of Education and Training, 2018, 2020; National Assembly, 2020; Prime Minister, 2021, 2022; UNESCO, 2020).

Về bản chất tích hợp, Nguyen và Bui (2023) cho rằng tích hợp GDBVMT là cách thức lồng ghép kiến thức, kỹ năng, thái độ bảo vệ môi trường vào môn học và hoạt động giáo dục một cách hợp lý. Các tác giả phân biệt ba mức độ tích hợp gồm toàn phần, bộ phận và liên hệ. Cách phân loại này giúp giáo viên xác định nội dung nào đã là yêu cầu cần đạt của bài học, nội dung nào phù hợp ở một phần bài học và nội dung nào cần được liên hệ tự nhiên, tránh gò ép hoặc làm lệch mục tiêu môn học.

Nội dung GDBVMT trong phổ thông cần phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và cấu trúc chương trình. Ở cấp tiểu học, trọng tâm là hình thành hiểu biết ban đầu, thói quen và hành vi gần gũi với đời sống. Ở cấp trung học cơ sở, HS cần được mở rộng hiểu biết về hệ sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tác động của con người đối với môi trường, đồng thời tham gia hoạt động trải nghiệm, dự án nhỏ hoặc truyền thông môi trường. Ở cấp trung học phổ thông, GDBVMT cần gắn với các vấn đề phức hợp hơn như phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, chính sách môi trường, năng lượng tái tạo, bảo tồn đa dạng sinh học, sản xuất – tiêu dùng bền vững và trách nhiệm công dân trong bối cảnh toàn cầu hóa. Về phương thức thực hiện, GDBVMT có thể được tổ chức thông qua tích hợp trong môn học, hoạt động trải nghiệm, giáo dục địa phương, câu lạc bộ, dự án học tập, truyền thông học đường và xây dựng môi trường học đường xanh. Quyết định số 2262/QĐ-BGDĐT cho thấy Bộ Giáo dục và Đào tạo đã định hướng nhiều nhiệm vụ liên quan đến tài liệu, học liệu điện tử, tập huấn giáo viên, mô hình câu lạc bộ, truyền thông, STEM và hoạt động trải nghiệm về GDBVMT (Ministry of Education and Training, 2020; Prime Minister, 2021, 2022).

3.2. GDBVMT trong phát triển phẩm chất, năng lực HS

GDBVMT có quan hệ mật thiết với giáo dục vì phát triển bền vững. Nếu GDBVMT tập trung vào việc hình thành nhận thức, thái độ và hành vi bảo vệ môi trường, thì giáo dục vì phát triển bền vững đặt vấn đề môi trường trong mối quan hệ với kinh tế, xã hội, văn hóa, công bằng và trách nhiệm giữa các thế hệ. Theo UNESCO (2020), giáo dục vì phát triển bền vững trao quyền cho người học thông qua kiến thức, kỹ năng, giá trị và thái độ để đưa ra quyết định có hiểu biết và thực hiện hành động có trách nhiệm vì tính toàn vẹn môi trường, khả năng tồn tại kinh tế và một xã hội công bằng. Cách tiếp cận này cho thấy GDBVMT không nên được hiểu như một nội dung đơn lẻ về tự nhiên mà cần được đặt trong khung phát triển bền vững rộng hơn.

Nghiên cứu của Le (2026) nhấn mạnh giáo dục vì sự phát triển bền vững không phải là một môn học mới cần bổ sung vào chương trình vốn đã quá tải, mà là một định hướng, một “lăng kính” cần được lồng ghép xuyên suốt vào các môn học và hoạt động giáo dục. Quan điểm này gợi mở cách hiểu rằng tích hợp mục tiêu GDBVMT vào chương trình không phải là bổ sung cơ học thêm nội dung mà là tổ chức lại mục tiêu, nội dung, phương pháp và đánh giá theo hướng phát triển năng lực hành động của HS.

Chương trình mới tạo nền tảng thuận lợi cho GDBVMT vì chương trình được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực. Chương trình xác định năm phẩm chất chủ yếu gồm yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; đồng thời hình thành các năng lực chung như tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo (Ministry of Education and Training, 2018). Trong đó, phẩm chất trách nhiệm và các biểu hiện liên quan đến trách nhiệm với môi trường sống là điểm nối trực tiếp với GDBVMT. Khi HS biết giữ vệ sinh môi trường, bảo vệ cây xanh, tiết kiệm tài nguyên, không xả rác, phản đối hành vi xâm hại thiên nhiên, tham gia chăm sóc và bảo vệ môi trường, các em vừa thực hiện một hành vi môi trường cụ thể vừa biểu hiện sự phát triển phẩm chất trách nhiệm.

Mối quan hệ giữa GDBVMT và phát triển năng lực cũng thể hiện rõ ở năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực khoa học, năng lực công nghệ và năng lực tự chủ, tự học. Các vấn đề môi trường thường có tính phức hợp, liên ngành và gắn với thực tiễn địa phương. Vì vậy, khi HS tham gia khảo sát rác thải trong trường, phân tích số liệu sử dụng nước, tìm hiểu ô nhiễm không khí, đề xuất giải pháp tiết kiệm năng lượng hoặc thiết kế dự án tái chế, các em đồng thời vận dụng kiến thức khoa học, hợp tác nhóm, giao tiếp với cộng đồng, xử lý thông tin, ra quyết định và tự đánh giá hành động của mình. Le và cộng sự (2025) cho rằng giáo dục môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hướng tiếp cận tích cực vì đưa kiến thức môi trường gắn với trải nghiệm sống của HS, từ đó tác động đồng thời đến nhận thức, thái độ và hành động. Từ góc nhìn của giáo dục vì phát triển bền vững, UNESCO (2020) nhấn mạnh ba chiều kích học tập gồm nhận thức, xã hội – cảm xúc và hành vi; do đó, GDBVMT trong chương trình cần được nhìn nhận như quá trình phát triển năng lực hành động, không chỉ là một mảng kiến thức tích hợp.

3.3. Biểu hiện của mục tiêu GDBVMT trong chương trình

Biểu hiện của mục tiêu GDBVMT trong chương trình có thể được nhận diện ở nhiều tầng: mục tiêu chương trình, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, nội dung môn học, hoạt động giáo dục, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục. Phân tích này cần được đặt trong mối liên hệ giữa chương trình với các định hướng chính sách cập nhật về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường quốc gia. Ở tầng mục tiêu chung, chương trình hướng đến giúp HS làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kĩ năng vào đời sống, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại (Ministry of Education and Training, 2018). Đây là căn cứ quan trọng để đặt GDBVMT trong logic phát triển công dân có trách nhiệm, có năng lực hành động, có lối sống xanh và có khả năng tham gia giải quyết các vấn đề thực tiễn của cộng đồng (Prime Minister, 2021, 2022).

Ở tầng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, mục tiêu GDBVMT gắn trực tiếp với phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm, trong đó phẩm chất trách nhiệm có vai trò nổi bật vì liên quan đến ý thức giữ gìn môi trường sống, tuân thủ quy định chung, tiết kiệm tài nguyên và tham gia hoạt động cộng đồng. Ở tầng năng lực, các vấn đề môi trường tạo bối cảnh thuận lợi để phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; đồng thời liên kết với các năng lực đặc thù như năng lực khoa học, năng lực địa lí, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực ngôn ngữ và năng lực thẩm mĩ. Vì vậy, tích hợp mục tiêu GDBVMT không chỉ là lồng ghép một nội dung kiến thức mà là tổ chức cho HS nhận diện vấn đề, huy động tri thức liên môn, lựa chọn giải pháp và tự điều chỉnh hành vi.

Ở tầng môn học, các địa chỉ tích hợp thể hiện theo mức độ khác nhau. Ở cấp tiểu học, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Đạo đức, Mĩ thuật và Hoạt động trải nghiệm giúp HS hình thành hiểu biết ban đầu, tình yêu thiên nhiên, thói quen giữ vệ sinh, tiết kiệm nước, chăm sóc cây xanh và bảo vệ môi trường sống. Ở cấp trung học cơ sở, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Giáo dục công dân, Công nghệ, Tin học, Toán, Ngữ văn và Nghệ

thuật mở rộng nội dung sang ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tài nguyên, biển đảo, pháp luật môi trường, dữ liệu môi trường, sản phẩm và truyền thông xanh. Ở cấp trung học phổ thông, Sinh học, Địa lí, Vật lí, Hoá học, Công nghệ, Giáo dục kinh tế và pháp luật tạo điều kiện tiếp cận sâu hơn các vấn đề sinh thái học, bảo tồn, năng lượng, hoá học môi trường, nông nghiệp bền vững, xử lý chất thải và trách nhiệm công dân.

Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là kênh đặc biệt quan trọng để chuyển mục tiêu GDBVMT từ nhận thức sang hành động. Thông qua đó, nhà trường có thể tổ chức dự án xanh, câu lạc bộ môi trường, phân loại rác, chăm sóc cây xanh, truyền thông giảm rác thải nhựa, tìm hiểu tài nguyên nước, ngày hội môi trường, hoạt động phục vụ cộng đồng hoặc dự án nghề nghiệp xanh. Như vậy, điểm cốt lõi của tích hợp là xác định đúng địa chỉ trong chương trình, chuyển hóa thành nhiệm vụ học tập phù hợp, gắn với trải nghiệm sống của HS và đánh giá được sự thay đổi về nhận thức, thái độ, kĩ năng, hành vi.

Bảng 1. Một số địa chỉ tích hợp mục tiêu GDBVMT trong chương trình

Môn học/ hoạt động giáo dục	Biểu hiện liên quan đến GDBVMT	Định hướng tích hợp trong bài học/hoạt động
Tự nhiên và Xã hội; Khoa học	Môi trường sống, sức khỏe, thực vật, động vật, nước, không khí, ô nhiễm và bảo vệ nguồn nước	Hình thành hiểu biết ban đầu, thói quen giữ vệ sinh, tiết kiệm tài nguyên, chăm sóc cây xanh và bảo vệ môi trường gần gũi
Lịch sử và Địa lí; Địa lí	Quan hệ con người - môi trường, tài nguyên thiên nhiên, biển đảo, biến đổi khí hậu, phát triển bền vững	Đọc bản đồ, phân tích tình huống địa phương, khảo sát thực địa, thảo luận sử dụng hợp lí tài nguyên và thích ứng khí hậu
Khoa học tự nhiên; Sinh học; Vật lí; Hoá học	Ô nhiễm môi trường, bảo vệ thiên nhiên, đa dạng sinh học, cân bằng tự nhiên, năng lượng, nhiên liệu, hoá chất	Tổ chức thí nghiệm, điều tra hiện trạng, phân tích nguyên nhân - hệ quả, đề xuất giải pháp giảm ô nhiễm và bảo tồn
Đạo đức; Giáo dục công dân; Giáo dục kinh tế và pháp luật	Bảo vệ môi trường sống, tài nguyên thiên nhiên, pháp luật môi trường, trách nhiệm công dân	Phát triển thái độ, giá trị, trách nhiệm pháp lí và hành vi qua tình huống đạo đức, tranh biện, cam kết và hoạt động cộng đồng
Công nghệ; Tin học; Toán	Công nghệ nông nghiệp, xử lý chất thải; dữ liệu môi trường; thống kê và sản phẩm số	Thiết kế sản phẩm thân thiện môi trường, phân tích số liệu rác thải/nước/năng lượng, xây dựng poster, video, mô hình STEM
Ngữ văn; Âm nhạc; Mĩ thuật; Giáo dục địa phương; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Văn bản, tác phẩm, sản phẩm nghệ thuật về thiên nhiên, lối sống, trách nhiệm cộng đồng; dự án xanh	Bồi dưỡng cảm xúc, thái độ và năng lực truyền thông; tổ chức triển lãm, sân khấu hoá, chiến dịch xanh, câu lạc bộ môi trường

Tuy nhiên, nếu nhìn nhận hệ thống biểu hiện trên dưới góc độ thực trạng của các công cụ sư phạm hỗ trợ tích hợp, có thể thấy việc triển khai GDBVMT hiện nay vẫn còn một số vấn đề cần quan tâm và chủ yếu dừng ở mức độ định hướng chung. Cụ thể, khi đối chiếu theo 5 trục công cụ thiết yếu, mức độ hiện diện trong thực tiễn như sau: Thứ nhất, hiện nay

chưa có một mô hình chuẩn hóa xuyên suốt về khung tích hợp bảo vệ môi trường. Việc lồng ghép vẫn mang tính cục bộ ở từng bài học hoặc chủ đề đơn lẻ, thiếu một khung định hướng tổng thể để liên kết logic nội dung từ thói quen cận thân ở tiểu học đến giải quyết vấn đề phức hợp ở trung học phổ thông; Thứ hai, chưa có ma trận tích hợp, đối chiếu chi tiết giữa các cấp học, môn học với từng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực môi trường. Do đó, giáo viên hiện phải tự rà soát và thiết lập các điểm này, dẫn đến mức độ bao phủ kiến thức không đồng đều, hoặc phụ thuộc vào năng lực của từng cá nhân; Thứ ba, về sơ đồ quy trình tích hợp, thực tiễn vẫn còn thiếu một quy trình chuẩn minh họa các bước từ khâu phân tích mục tiêu môn học, lựa chọn nội dung môi trường đến thiết kế hoạt động trải nghiệm. Sự thiếu hụt này làm giảm tính hệ thống và khả năng nhân rộng các mô hình dạy học tốt; Thứ tư, về bảng nguyên tắc tích hợp. Mặc dù các tài liệu tập huấn có đề cập đến việc tránh gượng ép hoặc gây quá tải, nhưng chưa có một bảng nguyên tắc tích hợp chính thức làm cơ sở chuyên môn định khung giới hạn. Điều này dễ dẫn đến hai xu hướng: hoặc lướt qua bề ngoài, hoặc tích hợp quá nhiều, làm phá vỡ cấu trúc môn học lõi; Thứ năm, về khung đánh giá năng lực hành động môi trường. Đây là vấn đề lớn ở bình diện thực trạng. Các trường hiện chưa được cung cấp bộ tiêu chí hay hệ thống rubric chuyên sâu để đo lường mức độ chuyển hóa từ nhận thức sinh thái sang hành vi thực tiễn. Việc kiểm tra, đánh giá đa phần vẫn thiên về ghi nhớ kiến thức thay vì đánh giá năng lực hành động.



Hình 1. Quy trình tích hợp GDBVMT

Các nội dung phân tích trên là nguyên nhân chính khiến mục tiêu GDBVMT dù đã hiện diện trong chương trình nhưng vẫn đối diện với nguy cơ triển khai hình thức, thiếu chiều sâu và khó đo lường kết quả thực chất. Hình 1 là sơ đồ minh họa quá trình chuyển hóa hệ thống từ các căn cứ chính sách vĩ mô thành các mục tiêu GDBVMT cụ thể, thông qua lăng kính phẩm chất và năng lực của chương trình 2018 để định hình các phương thức triển khai và đánh giá, hướng tới kết quả đầu ra cuối cùng là năng lực hành động môi trường thực chất của HS.

3.4. Phương thức tích hợp mục tiêu GDBVMT vào môn học và hoạt động giáo dục

Tích hợp mục tiêu GDBVMT vào chương trình cần được triển khai theo quy trình thống nhất từ mục tiêu, nội dung đến hoạt động và đánh giá.

Trước hết, nhà trường và tổ chuyên môn cần xác định rõ các mục tiêu môi trường có thể tích hợp vào từng môn học, chủ đề, hoạt động giáo dục và giai đoạn phát triển của HS; sau đó chuyển hóa mục tiêu này thành yêu cầu cần đạt cụ thể về nhận thức, thái độ, kỹ năng và hành vi.

Thứ hai, tích hợp cần dựa trên ma trận liên kết giữa mục tiêu GDBVMT với phẩm chất và năng lực trong chương trình. Phẩm chất trách nhiệm có thể gắn với giữ vệ sinh môi trường, tiết kiệm tài nguyên, tuân thủ quy định môi trường; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo gắn với đề xuất giải pháp giảm rác thải, tiết kiệm năng lượng hoặc thích ứng với biến đổi khí hậu; năng lực giao tiếp và hợp tác gắn với hoạt động truyền thông, dự án nhóm, câu lạc bộ môi trường; năng lực khoa học gắn với quan sát, thí nghiệm, điều tra và phân tích nguyên nhân - hậu quả của ô nhiễm; năng lực tự chủ và tự học gắn với việc tự điều chỉnh thói quen tiêu dùng, sử dụng tài nguyên và ứng xử với môi trường.

Thứ ba, tích hợp vào nội dung môn học cần theo nguyên tắc phù hợp, không khiên cưỡng và không làm quá tải chương trình. Những nội dung có quan hệ trực tiếp với môi trường như hệ sinh thái, tài nguyên, ô nhiễm, biến đổi khí hậu, năng lượng, chất thải, pháp luật môi trường, hành vi tiêu dùng xanh có thể tích hợp ở mức toàn phần hoặc bộ phận; những nội dung có quan hệ gián tiếp như đọc hiểu văn bản về thiên nhiên, xử lý dữ liệu, thiết kế sản phẩm, sáng tạo nghệ thuật hoặc truyền thông học đường có thể tích hợp theo hướng liên hệ, vận dụng. Nguyen và Bui (2023) lưu ý rằng dạy học tích hợp GDBVMT phải bảo đảm mục tiêu chương trình môn học, không phá vỡ cấu trúc nội dung môn học, đồng thời tạo cơ hội để HS liên hệ kiến thức với đời sống.

Thứ tư, tích hợp cần thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy học tích cực. Các phương pháp phù hợp gồm dạy học dự án, dạy học theo vấn đề, dạy học trải nghiệm, STEM, điều tra thực địa, học tập phục vụ cộng đồng, thảo luận nhóm, mô phỏng tình huống, truyền thông học đường và xây dựng sản phẩm học tập. Le và cộng sự (2024) cho thấy dạy học dự án trong môn Khoa học tự nhiên có thể giúp HS kết nối kiến thức môn học với thực tiễn và đời sống, qua đó nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường. Cách tổ chức này phù hợp với các chủ đề môi trường có tính liên ngành, yêu cầu HS khảo sát, thiết kế sản phẩm, trình bày giải pháp và tự đánh giá kết quả học tập.

Thứ năm, tích hợp qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cần được tổ chức như một chuỗi hoạt động có mục tiêu, sản phẩm và tiêu chí đánh giá rõ ràng. Le và cộng sự (2025) đề xuất các biện pháp gồm: xây dựng kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp về chủ đề môi trường phù hợp với địa phương và nhà trường; tổ chức đa dạng loại hình hoạt động như sinh hoạt dưới cờ, hoạt động giáo dục theo chủ đề, sinh hoạt lớp; thành lập câu lạc bộ môi trường; phối hợp các lực lượng cộng đồng; xây dựng rubric đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá. Những biện pháp này có thể được vận dụng khi thiết kế kế hoạch giáo dục nhà trường nhằm bảo đảm GDBVMT không chỉ diễn ra trong tiết học mà còn trở thành trải nghiệm thực hành thường xuyên của HS.

Thứ sáu, tích hợp cần được thể hiện trong kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục. Đánh giá không nên dừng ở việc yêu cầu HS nêu khái niệm, liệt kê nguyên nhân ô nhiễm hoặc kể tên biện pháp bảo vệ môi trường mà cần xem xét khả năng nhận diện vấn đề, sử dụng minh

chúng, giải thích nguyên nhân – hệ quả, đề xuất giải pháp, hợp tác trong dự án, truyền thông thuyết phục và điều chỉnh hành vi cá nhân. Các hình thức đánh giá phù hợp gồm hồ sơ học tập, sản phẩm dự án, báo cáo khảo sát, nhật kí hành động xanh, thuyết trình, rubric đánh giá sản phẩm STEM hoặc sản phẩm truyền thông môi trường.

Bên cạnh tích hợp trong bài học và hoạt động giáo dục, việc xây dựng môi trường giáo dục cũng là điều kiện hỗ trợ quan trọng. Nguyen và Ha (2025) cho rằng môi trường giáo dục là yếu tố góp phần hình thành nhân cách và phát triển toàn diện HS; do đó, tích hợp GDBVMT cần gắn với xây dựng văn hóa nhà trường, không gian học đường và cơ chế tổ chức khuyến khích hành vi xanh. Ở bình diện này, GDBVMT vừa là nội dung được dạy vừa là môi trường được sống, nơi HS được thực hành các giá trị xanh trong đời sống học đường.

3.5. Một số vấn đề đặt ra và định hướng nâng cao hiệu quả tích hợp GDBVMT trong nhà trường phổ thông

Việc tích hợp mục tiêu GDBVMT vào chương trình có nhiều điểm phù hợp. Về chính sách, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh nhấn mạnh lối sống xanh, tiêu dùng bền vững, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng và giảm phát thải; Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia nhấn mạnh phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, phục hồi chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Về chương trình, có định hướng mở, phát triển phẩm chất và năng lực, chú trọng thực hành, vận dụng và kết nối nhà trường với đời sống. Vì vậy, nhiều môn học và hoạt động giáo dục có thể tích hợp trực tiếp các nội dung về môi trường, tài nguyên, biến đổi khí hậu, phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, năng lượng và bảo tồn đa dạng sinh học (Ministry of Education and Training, 2018; Prime Minister, 2021, 2022).

Tuy nhiên, một số vấn đề cần tiếp tục được nhận diện: GDBVMT còn dễ bị giản lược thành truyền đạt kiến thức hoặc phong trào xanh, sạch, đẹp; nội dung môi trường trong các môn học có nguy cơ phân tán, thiếu liên thông giữa cấp học và môn học; năng lực thiết kế chủ đề tích hợp, dự án và đánh giá năng lực hành động của giáo viên chưa đồng đều; kiểm tra, đánh giá vẫn có thể thiên về tri thức tái hiện. Các nghiên cứu thực tiễn cũng cho thấy nội dung tích hợp còn thiếu hệ thống, hình thức tổ chức chưa đa dạng, chưa khai thác hiệu quả nguồn lực cộng đồng và nếu tích hợp không hợp lí có thể gây quá tải hoặc làm lệch mục tiêu môn học (Nguyen & Bui, 2023; Le et al., 2025).

Từ những vấn đề bất cập trong thực tiễn, nghiên cứu đề xuất xây dựng đồng bộ một hệ thống công cụ kĩ thuật nhằm chuẩn hóa và đo lường hiệu quả tích hợp GDBVMT trong trường phổ thông. Hệ thống này bao gồm 5 thành tố cốt lõi: (1) Mô hình khung tích hợp, định hình trục phát triển xuyên suốt từ việc rèn luyện thói quen sinh thái cận thân ở cấp tiểu học đến năng lực phân tích, giải quyết vấn đề môi trường phức hợp ở cấp trung học phổ thông; (2) Ma trận tích hợp đa chiều, tham chiếu chi tiết các giao điểm giữa cấp học, mạch nội dung môn học với từng biểu hiện của phẩm chất và năng lực; (3) Sơ đồ quy trình tích hợp, thiết lập các bước thao tác chuẩn mực từ khâu phân tích chương trình đến thiết kế nhiệm vụ học tập; (4) Bảng nguyên tắc tích hợp, xác định các giới hạn sự phạm để bảo đảm tính tự nhiên, không làm gãy cấu trúc môn học lõi và không gây quá tải; (5) Khung đánh giá năng lực hành động môi trường, cung cấp bộ tiêu chí và rubric đo lường trực tiếp sự chuyển hóa

từ nhận thức thành hành vi xanh trong thực tiễn. Hệ thống 5 công cụ nêu trên hiện được xây dựng dưới dạng các định hướng và giải pháp lý thuyết. Để bảo đảm tính khả thi, độ tin cậy và khả năng nhân rộng, các đề xuất này cần được tổ chức thử nghiệm sư phạm tại các cơ sở giáo dục. Kết quả đánh giá từ quá trình thực nghiệm sẽ cung cấp dữ liệu thực chứng để hiệu chuẩn thang đo năng lực và tinh chỉnh các tham số trong ma trận tích hợp. Việc hoàn thiện và ban hành bộ công cụ chuẩn hóa này sẽ tháo gỡ vấn đề về phương pháp luận cho giáo viên, góp phần đưa GDBVMT thoát khỏi tình hình thức. Cùng với đó, cần phát triển học liệu và bồi dưỡng giáo viên theo hướng gắn nội dung môi trường với yêu cầu cần đạt của từng môn học. Quyết định số 2262/QĐ-BGDĐT đã định hướng xây dựng học liệu điện tử hỗ trợ dạy học GDBVMT cấp trung học cơ sở theo chương trình, tập huấn tích hợp GDBVMT trong hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Điều này cho thấy bồi dưỡng giáo viên cần đi vào năng lực thiết kế bài học, lựa chọn địa chỉ tích hợp, xây dựng câu hỏi/nhiệm vụ học tập, tổ chức dự án, đánh giá sản phẩm và khai thác bối cảnh địa phương.

Cuối cùng, cần đổi mới đánh giá kết quả GDBVMT theo hướng đánh giá sự phát triển của HS. Kết quả mong đợi không chỉ là HS nêu đúng khái niệm hoặc ghi nhớ biện pháp mà là biết nhận diện vấn đề môi trường, giải thích được nguyên nhân – hệ quả, lựa chọn hành vi phù hợp, tham gia hoạt động tập thể, đề xuất giải pháp khả thi và duy trì thói quen xanh trong đời sống. Vì vậy, nhà trường cần kết hợp đánh giá thường xuyên trong môn học với đánh giá qua sản phẩm, hồ sơ, dự án, hoạt động trải nghiệm và minh chứng hành vi trong môi trường học đường.

4. Kết luận

GDBVMT là thành tố quan trọng của giáo dục phổ thông, góp phần hình thành ở HS nhận thức, thái độ, kỹ năng và hành vi có trách nhiệm với môi trường sống. Trong chương trình, nội dung này có thể được tích hợp phù hợp với định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, đặc biệt là phẩm chất trách nhiệm, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực khoa học, năng lực công nghệ và năng lực tham gia hoạt động cộng đồng. Việc tích hợp cần được hiểu như một quá trình chuyển hóa mục tiêu bảo vệ môi trường thành yêu cầu cần đạt, nội dung học tập, hoạt động trải nghiệm và tiêu chí đánh giá cụ thể. Kết quả phân tích cho thấy các địa chỉ tích hợp GDBVMT đã hiện diện trong nhiều môn học và hoạt động giáo dục, tạo điều kiện tích hợp theo hướng xử lý dữ liệu, truyền thông, sáng tạo sản phẩm, dự án xanh và phục vụ cộng đồng. Điều này khẳng định GDBVMT cần được tổ chức liên môn, liên cấp, gắn với bối cảnh địa phương. Đóng góp mới của nghiên cứu gồm: xây dựng khung tích hợp; xác định hệ thống địa chỉ tích hợp; đề xuất bộ công cụ hỗ trợ giáo viên; định hướng đánh giá năng lực hành động môi trường. Để nâng cao hiệu quả tích hợp, cần xây dựng khung mục tiêu GDBVMT theo các nhóm nhận thức, thái độ/giá trị, kỹ năng và hành vi; xác định ma trận địa chỉ tích hợp trong từng môn học; phát triển học liệu, dự án và nhiệm vụ học tập gắn với bối cảnh địa phương; bồi dưỡng giáo viên về thiết kế dạy học tích hợp; đồng thời đổi mới đánh giá theo hướng chú trọng năng lực hành động và minh chứng hành vi của HS. Quá trình này cần gắn với định hướng tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường quốc gia, lối sống xanh, tiêu dùng bền vững và xây dựng môi trường học đường xanh, sạch, an toàn nếu được triển khai hệ thống.

- ❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.
- ❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi ngân sách khoa học và công nghệ của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong nhiệm vụ Bảo vệ Môi trường, mã số B2025-SPS-02.MT. Tên nhiệm vụ: “Khảo sát, đánh giá việc triển khai nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 tại các cơ sở giáo dục phổ thông”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ministry of Education and Training. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông: Chương trình tổng thể và các chương trình môn học, hoạt động giáo dục* [General Education Curriculum: Master program and curricula of subjects and educational activities]. Promulgated alongside Circular No. 32/2018/TT-BGDDT dated December 26, 2018.
- Ministry of Education and Training. (2020). *Quyết định số 2262/QĐ-BGDDT phê duyệt Danh mục nhiệm vụ giáo dục bảo vệ môi trường của Bộ Giáo dục và Đào tạo để đưa ra tuyển chọn thực hiện từ năm 2021* [Decision No. 2262/QĐ-BGDDT approving the list of environmental protection education tasks of the Ministry of Education and Training for selection and implementation from 2021].
- Le, T. T. (2026). Giáo dục vì sự phát triển bền vững: Tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững vào công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục tại Việt Nam [Education for sustainable development: Integrating sustainable development goals into the fundamental and comprehensive innovation of education in Vietnam]. *Vietnam Teachers' Journal*, 235(1), 32-35. <https://vjol.info.vn/giaochuc/article/download/138533/113190/>
- Le, T. C. T., Truong, T. H. T., & Tran, M. T. (2024). Tổ chức dạy học dự án tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường môn Khoa học tự nhiên ở trường trung học cơ sở [Organizing project-based teaching integrating environmental protection education in Natural Science at middle schools]. *Journal of Education*, 24(Special Issue 2), 56-61. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/1684>
- Le, T. H. L., Nguyen, T. T. H., & Mai, Q. K. (2025). Đề xuất biện pháp giáo dục môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh: Nghiên cứu tại một số trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội [Proposing measures for environmental education through experiential activities for students: A study at some middle schools in Hanoi City]. *Journal of Education*, 25(21), 36-41. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/download/4388/1279>
- Nguyen, T. T., & Ha, V. D. (2025). Thực trạng phát triển môi trường giáo dục ở các trường trung học phổ thông ngoài công lập tại thành phố Hải Phòng theo tiếp cận văn hoá tổ chức [The current state of developing educational environment in non-public high schools in Hai Phong city from an organizational culture approach]. *Journal of Education*, 25(5), 242-247. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/3867>
- Nguyen, T. D., & Bui, T. N. (2023). Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở cấp tiểu học [Integrating environmental protection education in teaching Nature and Society subject at the primary level]. *Journal of Education*, 23(7), 30-35. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/683/439>

- National Assembly. (2020). *Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14* [Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14].
- Prime Minister. (2001). *Quyết định số 1363/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “Đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân”* [Decision No. 1363/QĐ-TTg approving the Project “Integrating environmental protection contents into the national education system”].
- Prime Minister. (2021). *Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050* [Decision No. 1658/QĐ-TTg dated October 1, 2021 approving the National Green Growth Strategy for the 2021-2030 period, vision to 2050].
- Prime Minister. (2022). *Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050* [Decision No. 450/QĐ-TTg dated April 13, 2022 approving the National Environmental Protection Strategy to 2030, vision to 2050].
- UNESCO. (2020). *Education for sustainable development: A roadmap*. <https://doi.org/10.54675/YFRE1448>

INTEGRATING ENVIRONMENTAL PROTECTION EDUCATION OBJECTIVES INTO THE 2018 GENERAL EDUCATION CURRICULUM: THEORETICAL BASIS AND IMPLEMENTATION ORIENTATIONS

Nguyễn Vĩnh Khương^{1*}, Du Thong Nhat¹, Nguyen Linh Phong¹, Phan Huu Tai²

¹Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

²British Primary, Middle, and High School, Vietnam

*Corresponding author: Nguyen Vinh Khuong – Email: khuongnv@hcmue.edu.vn

Received: June 13, 2026; Revised: June 20, 2026; Accepted: July 20, 2026

ABSTRACT

Environmental protection education is an essential component of general education that helps students develop the awareness, attitudes, skills, and behaviors needed to act responsibly toward the environment. This article examines the potential to integrate environmental protection education objectives into the General Education Curriculum in ways that support the development of students' qualities and competencies; the study analyzes relevant policy documents, curricula, and research. The findings indicate that these objectives can be incorporated into general educational goals, expected learning outcomes, subject content, teaching methods, experiential activities, and assessment. Prominent opportunities for integration occur in Nature and Society, Science, Natural Sciences, History and Geography, Geography, Biology, Civic Education, Technology, Physics, Chemistry, Mathematics, Literature, Arts, Local Educational Content, and Experiential and Career Guidance Activities.

Keywords: 2018 General Education Curriculum; environmental protection education; educational integration; education for sustainable development